

这不是小枕头

This Is Not a Small Pillow

Name: _____

Date: _____

Fill in each blank () based on the pinyin provided.

gù shi li xiǎo nǚ hái bǎ xiǎo zhěn tou dāng zuò shén me wù pǐn tā men zěn me yàng
故事里小女孩把小枕头当作什么物品？它们怎么样？

| shén me wù pǐn 什么物品？ | tā men zěn me yàng 它们怎么样？ |
|----------------------------|------------------------------|
| xiǎo (yǔ sǎn) 小 () | ài xǐ zǎo 爱洗澡 |
| (guāi) bǎo bao () 宝宝 | yào mā ma bào 要妈妈抱 |
| xiǎo (qì chē) 小 () | huì dī dī jiào 会滴滴叫 |
| xiǎo (fēi jī) 小 () | fēi de gāo 飞得高 |

| | |
|------------------------------------|--|
| <p>dú mù qiáo</p> <p>独木桥</p> | <p>guò de shí hou bié (shuāi dǎo)</p> <p>过的时候别 ()</p> |
| <p>bèng bèng chuáng</p> <p>蹦蹦床</p> | <p>kě yǐ bèng de (gāo)</p> <p>可以蹦得 ()</p> |
| <p>(gāo shān)</p> <p>大 ()</p> | <p>fēng jǐng hǎo</p> <p>风景好</p> |
| <p>(qiū qiān)</p> <p>小 ()</p> | <p>yáo huàng</p> <p>摇晃</p> |
| <p>(péng you)</p> <p>好 ()</p> | <p>tiān tiān liáo</p> <p>天天聊</p> |

Answer Key

雨伞

乖

汽车

飞机

摔倒

高

高山

秋千

朋友